

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thề

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 03819004xxxx

Địa chỉ: Khu phố L 1, phường P, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Công D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Chứng minh nhân dân: 28564xxxx

Địa chỉ: Khu phố L 1, phường P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Bà Th và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/4/2009, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển vào khu phố L 1, phường P, tỉnh Đồng Nai sinh sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về hướng phát triển kinh tế gia đình, cụ thể là do làm ăn thua lỗ, gây nợ nần nên ông D thường xuyên ăn nhậu, không tu chí làm ăn, bà Th nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không thay đổi nên năm 2019 bà Th quyết định đi xuất khẩu lao động, ông D không đồng ý và đã bỏ đi từ đó đến nay, nhưng vẫn liên lạc

qua điện thoại thăm hỏi các con và lâu lâu có ghé về nhà làm thủ tục giấy tờ. Khi bà Th đi lao động về đã nhiều lần gọi điện kêu ông D về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng lại kinh tế và nuôi dạy các con nhưng ông D không đồng ý. Do đó, bà Th cảm thấy ông D không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Th và ông D có hai con chung là Lê Thị Phương U – sinh ngày 08/01/2010 và Lê Bảo N, sinh ngày 05/7/2014. Từ năm 2019 đến nay, các cháu do bà Th và ông bà ngoại nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông D chỉ liên lạc hỏi thăm, không gửi phụ cấp nuôi dưỡng các cháu. Do đó, khi ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Công D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Hoàng Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Lê Công D, bị đơn cư trú tại địa phận phường P, tỉnh Đồng Nai. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/4/2009, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà Th và ông D có xảy ra mâu thuẫn do ông D làm ăn thua lỗ, gây nợ nần, thường xuyên nhậu nhẹt, không tu chí làm ăn và từ mâu thuẫn đó vợ chồng đã

không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, chứng tỏ ông D không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà Th. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

[4] Về con chung: Bà Th và ông D có hai con chung là Lê Thị Phương U – sinh ngày 08/01/2010 và Lê Bảo N – sinh ngày 05/7/2014. Từ năm 2019 đến nay, con chung đều do bà Th và cha mẹ bà Th nuôi dưỡng, chăm sóc, vẫn đảm bảo phát triển mọi mặt và các quyền lợi hợp pháp của con chưa thành niên, đồng thời các cháu đều có nguyện vọng được ở với bà Th. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sau ly hôn của bà Th.

Ông D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Hoàng Thị Th ly hôn với ông Lê Công D.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Thị Phương U – sinh ngày 08/01/2010 và cháu Lê Bảo N – sinh ngày 05/7/2014 cho bà Hoàng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Bà Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003517 ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Nai
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Quảng Bình,
- T. Thanh Hóa (Số 22 ngày 24/4/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân